

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1356**/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K01-SN01/2026

Hà Nội, ngày **24** tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K01-SN01/2026 (danh sách kèm theo) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

- + Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;
- + Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ;
- + Phương án và chi phí khám sức khỏe: Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo đến người lao động trước khi tham gia đào tạo định hướng.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian làm thủ tục nhập học: **15h00 Chủ nhật ngày 04/01/2026;**
- Thời gian đào tạo: từ ngày **05/01** đến ngày **19/01/2026;**
- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- *Hồ sơ xin cấp visa*



+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động truy cập thông báo tổ chức khóa đào tạo tại website: www.colab.moha.gov.vn để xác nhận nguyện vọng chấp nhận hợp đồng và cung cấp các thông tin cần thiết.

+ Người lao động mang theo smart phone có thể kết nối internet 4G và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn nội dung cụ thể trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **05/01/2026** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước
+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
+ Số tài khoản: 1440201030194
+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý
Sở./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Ngọc Lan

ÂM
NG
JỐC

DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K01-SN01/2026

(Kèm theo Công văn số 1358/TELĐNN-TCLĐ ngày 24/12/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
1	50531811	Trần Văn Trọng	14/02/1992	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-01
2	50531813	Trần Văn In	04/03/1993	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-02
3	50531818	Chu Văn Tuấn	23/08/1995	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-03
4	50531869	Hà Thị Thương	28/09/1998	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-04
5	50531880	Nguyễn Văn Được	09/08/1987	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-05
6	50307051	Đỗ Thị Hoài Thương	05/09/2005	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-06
7	50307294	Đàm Văn Phát	07/01/1998	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-07
8	50307870	Nguyễn Thị Trang	05/10/2005	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-08
9	50307942	Đỗ Thị Thanh	12/03/2001	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-09
10	50308218	Lê Văn Bảo	31/10/1989	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K01SN01-10
11	50308524	Đinh Thuỳ Linh	05/03/1996	Nữ	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K01SN01-11
12	50308911	Trịnh Văn Thắng	06/05/1984	Nam	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K01SN01-12
13	50380414	Nguyễn Đình Sỹ	12/08/1993	Nam	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K01SN01-13
14	50300235	Nguyễn Văn Tiếp	21/01/1996	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-14
15	50300515	Vương Ngọc Ánh	24/02/2001	Nữ	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-15
16	50301021	Nguyễn Chí Thành	08/09/2005	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-16
17	50301029	Lê Văn Hải	23/12/1993	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-17
18	50301037	Nguyễn Mạnh Trường	05/02/1990	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-18
19	50301038	Nguyễn Thị Xuân	04/02/1997	Nữ	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-19
20	50301039	Nguyễn Mạnh Đức	15/01/1995	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-20
21	50301076	Nguyễn Thị Thanh Loan	11/08/2005	Nữ	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-21
22	50301274	Nguyễn Hữu Hoài Nam	01/11/2000	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-22
23	50340092	Đinh Tiến Hải	06/11/1993	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-23
24	50340231	Nguyễn Đình Khải	30/09/2003	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-24
25	50380018	Nguyễn Như Kim	14/02/1995	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-25
26	50800701	Nguyễn Trọng Vũ	02/02/2002	Nam	TP Hà Nội	Hà Nội	K01SN01-26
27	50302168	Nguyễn Minh Hiếu	16/06/1998	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K01SN01-27
28	50302550	Đoàn Bá Hiếu	28/02/2001	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K01SN01-28
29	50380087	Phạm Quang Sự	14/04/2005	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K01SN01-29
30	50380161	Quách Văn Hiếu	17/07/1991	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K01SN01-30
31	51030959	Phạm Thị Oanh	08/02/1990	Nữ	Hưng Yên	Hưng Yên	K01SN01-31
32	50303205	Vũ Đình Quỳnh	30/10/1987	Nam	Hưng Yên	Hưng Yên	K01SN01-32
33	50303280	Lương Văn Thịnh	01/02/1989	Nam	Hưng Yên	Hưng Yên	K01SN01-33
34	50303393	Hoàng Thị Hằng	22/06/2001	Nữ	Hưng Yên	Hưng Yên	K01SN01-34
35	50350765	Nguyễn Quang Định	25/09/1991	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K01SN01-35
36	50803602	Phạm Thị Thu Thảo	17/03/2001	Nữ	Hưng Yên	Hưng Yên	K01SN01-36
37	50370276	Vy Văn Sơn	16/11/1998	Nam	Lạng Sơn	Lạng Sơn	K01SN01-37
38	50303713	Phạm Thị Hải Anh	02/01/2001	Nữ	Hà Nam	Ninh Bình	K01SN01-38
39	50310066	Trần Thu Hoài	08/03/2001	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K01SN01-39
40	50310137	Tổng Văn Ngọc	14/11/1991	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K01SN01-40
41	50310553	Dương Nhật Anh	07/09/1998	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K01SN01-41
42	50310694	Dương Thị Hoài	07/06/2001	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K01SN01-42
43	50310847	Trần Tiến Đạt	20/01/2005	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K01SN01-43
44	50311834	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	22/10/2000	Nữ	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-44
45	50311836	Phạm Thị Minh	10/06/1999	Nữ	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-45
46	50311878	Nguyễn Văn Luân	25/10/1993	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-46
47	50311883	Trần Văn Hưởng	10/07/1993	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-47
48	50311889	Nguyễn Minh Châu	12/02/1997	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-48
49	50311901	Đinh Văn Hòa	12/06/1988	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-49
50	50311914	Trần Khánh Hòa	05/06/1990	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-50
51	50311931	Trần Văn Long	02/08/1990	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-51
52	50311969	Mai Hải Yến	17/11/2000	Nữ	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-52
53	50312947	Điền Thị Thùy Linh	05/07/1996	Nữ	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-53



Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
54	50350913	Vũ Văn Nam	10/08/1990	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-54
55	50350915	Nguyễn Duy Phước	07/12/2000	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-55
56	50350927	Nguyễn Văn Lộc	26/06/1992	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-56
57	50350928	Nguyễn Văn Tĩnh	07/05/1996	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-57
58	50350929	Nguyễn Thành Đô	10/02/1990	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-58
59	50350939	Phan Công Đức	15/10/2002	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-59
60	50350944	Trần Văn Hiếu	13/11/2003	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-60
61	50350946	Lê Văn Thủy	07/02/1990	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-61
62	50350968	Dương Việt Đức	13/02/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-62
63	50350975	Phan Văn Hoàng	03/10/2004	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-63
64	50350989	Trần Quang Tuấn	10/02/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-64
65	50350996	Trần Văn Thành	22/01/2003	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-65
66	50351008	Vũ Minh Nhật	20/03/1993	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-66
67	50810707	Vũ Thị Thanh Thu	25/12/2002	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K01SN01-67
68	50812726	Trần Thị Huyền	20/04/2003	Nữ	Ninh Bình	Ninh Bình	K01SN01-68
69	50531315	Kiều Quốc Việt	03/09/2004	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K01SN01-69
70	50305877	Đinh Văn Sơn	30/12/1992	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K01SN01-70
71	50305954	Nguyễn Thị Vân Anh	07/09/2004	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K01SN01-71
72	50306089	Triệu Thu Quỳnh	30/11/2002	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K01SN01-72
73	50306201	Nguyễn Thị Thương	26/07/2005	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K01SN01-73
74	50306510	Hoàng Đức Minh	28/09/1994	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K01SN01-74
75	50306537	Nguyễn Thị Hồng	16/06/2001	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K01SN01-75
76	50313599	Đinh Thị Thắm	21/12/1999	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K01SN01-76
77	50806824	Nguyễn Anh Phương	30/03/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K01SN01-77
78	50350426	Nguyễn Trường Phi	09/06/2005	Nam	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K01SN01-78
79	50350435	Vì Dũng Sơn	26/10/1990	Nam	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K01SN01-79
80	50200115	Tân Phùng Thọ	14/11/2000	Nam	Hà Giang	Tuyên	K01SN01-80
81	50510603	Lê Thị Thành	26/12/1999	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-81
82	50533037	Đinh Đức Duy	05/10/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-82
83	50533050	Nguyễn Văn Toàn	21/02/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-83
84	50533113	Quách Văn Tân	24/10/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-84
85	50533134	Lương Văn Việt	20/12/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-85
86	50533159	Lò Văn Phúc	03/11/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-86
87	50533176	Hà Thị Phương	09/12/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-87
88	50533211	Lục Thị Vân	19/11/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-88
89	50533215	Vì Văn Kiệt	05/09/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-89
90	50533253	Phạm Bá Thống	05/01/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-90
91	50533266	Hà Văn Khoa	13/12/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-91
92	50533280	Lương Thị Thiệp	17/10/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-92
93	50533314	Vì Tiến Thành	16/03/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-93
94	50533406	Lữ Văn Chung	19/12/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-94
95	50533409	Bùi Tiến Thứ	25/03/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-95
96	50533427	Phạm Văn Lưu	21/09/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-96
97	50533433	Lê Thị Nhân	21/05/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-97
98	50533437	Lê Thị Thu	09/09/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-98
99	50533442	Lê Văn Hữu	19/02/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-99
100	50533458	Cầm Trung Đức	03/01/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-100
101	50533469	Vì Văn Tiệp	05/01/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-101
102	50542051	Nguyễn Văn Quân	20/06/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-102
103	50542189	Lê Văn Duy	08/10/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-103
104	50542193	Nguyễn Quốc Huy	07/01/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-104
105	50542202	Lê Văn Duy	20/01/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-105
106	50542308	Phạm Anh Tuấn	01/06/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-106
107	51034067	Lê Văn Đức	27/07/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-107
108	50314117	Trịnh Văn Đức	02/11/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-108
109	50314279	Lê Văn Bách	02/11/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-109

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
110	50314285	Hà Thị Thức	12/03/2001	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-110
111	50314452	Lê Văn Đức	04/05/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-111
112	50314477	Lê Thọ Hà	05/09/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-112
113	50314483	Đỗ Ngọc Khoa	09/09/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-113
114	50314491	Bùi Văn Chung	09/03/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-114
115	50314529	Nguyễn Văn Cường	01/06/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-115
116	50314582	Lê Bá Huy	20/11/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-116
117	50314603	Lê Xuân Khôi	14/04/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-117
118	50314628	Trần Việt Bình	09/03/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-118
119	50314681	Lê Quang Cường	09/12/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-119
120	50314747	Trần Văn Hoàn	27/06/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-120
121	50314756	Lê Văn Thiên	18/11/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-121
122	50314757	Đỗ Thị Ánh	13/01/2002	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-122
123	50314772	Trịnh Minh Vinh	23/09/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-123
124	50314911	Phan Hữu Âu	06/08/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-124
125	50315360	Nguyễn Công Tuấn Anh	06/07/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-125
126	50315721	Trần Văn Dũng	28/08/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-126
127	50315737	Hoàng Ngọc Hạnh	27/11/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-127
128	50315746	Lê Văn Thanh	24/02/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-128
129	50315972	Lê Việt Khang	08/07/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-129
130	50316034	Trần Thị Ngọc Ánh	02/12/1999	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-130
131	50316229	Phạm Huy Phong	15/01/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-131
132	50316388	Trịnh Việt Hùng	02/03/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-132
133	50316391	Lê Văn Huân	29/07/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-133
134	50316493	Dương Tiến Hiệp	28/10/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-134
135	50316542	Ngô Văn Hải	28/08/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-135
136	50316550	Vũ Anh Tuấn	29/01/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-136
137	50316615	Nguyễn Văn Long	14/01/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-137
138	50316624	Cao Văn Toàn	29/04/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-138
139	50316657	Mai Thị Vân Anh	15/03/1997	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-139
140	50316742	Dương Văn Nam	01/08/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-140
141	50316752	Đỗ Trọng Tuấn	10/08/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-141
142	50316846	Nguyễn Thanh Bình	18/03/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-142
143	50316882	Nguyễn Quốc Việt	11/01/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-143
144	50316940	Trần Anh Tuấn	07/11/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-144
145	50317110	Tổng Thị Minh Hải	20/10/2002	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-145
146	50317199	Đoàn Văn Phúc	04/07/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-146
147	50317260	Phạm Hoài Nam	17/07/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-147
148	50317280	Nguyễn Văn Tùng	16/09/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-148
149	50317478	Nguyễn Ngọc Dũng	01/02/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-149
150	50317601	Lê Minh Hiếu	11/11/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-150
151	50317626	Lại Thế Tân	30/04/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-151
152	50317694	Hoàng Thị Thủy	24/12/1999	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-152
153	50318203	Hoàng Đình Huy	10/03/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-153
154	50318313	Tô Đức Thành	21/04/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-154
155	50318358	Lê Văn Tình	28/02/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-155
156	50318438	Cao Sỹ Thiên	02/03/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-156
157	50318494	Cao Văn Công	26/03/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-157
158	50318514	Nguyễn Thế Sơn	06/03/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-158
159	50318548	Phùng Văn Tân	10/10/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-159
160	50318713	Lê Xuân Hùng	02/05/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-160
161	50319004	Mai Xuân Khánh	08/03/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-161
162	50319065	Trương Văn Hoà	08/11/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-162
163	50319209	Cao Vũ Duy Hoàng	29/10/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-163
164	50319256	Hoàng Thị Nhi	30/04/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-164
165	50319382	Nguyễn Văn Đức	06/02/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-165

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
166	50319515	Vũ Đình Đông	22/12/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-166
167	50319532	Phạm Văn Bắc	10/09/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-167
168	50319598	Ngô Thị Yến	08/09/2000	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-168
169	50319791	Lê Văn Đức	07/08/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-169
170	50319856	Nguyễn Thuý Liên	05/08/1996	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-170
171	50319919	Trương Văn Phương	17/04/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-171
172	50320013	Lê Viết Hai	10/08/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-172
173	50320019	Đoàn Trọng Tinh	14/11/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-173
174	50320091	Đỗ Thanh Hiệp	02/09/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-174
175	50320368	Lê Thị Hồng Thắm	19/02/2001	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-175
176	50320497	Lê Sỹ Nguyên	17/01/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-176
177	50320535	Lê Thị Nụ	15/07/1999	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-177
178	50320616	Bùi Quang Trường	07/11/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-178
179	50320679	Trương Văn Thọ	19/03/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-179
180	50320776	Lê Viết Cường	16/04/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-180
181	50321094	Hà Văn Tuấn	23/10/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-181
182	50321598	Phạm Văn Lộc	08/08/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-182
183	50321755	Nguyễn Thế Anh	02/03/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-183
184	50321844	Nguyễn Văn Triệu	13/01/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-184
185	50321881	Lê Vương Tùng	20/10/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-185
186	50321977	Phạm Đức Anh	25/11/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-186
187	50345047	Phạm Hoài Đức	10/10/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-187
188	50345068	Trương Đình Hào	09/01/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-188
189	50345152	Nguyễn Duy Phụng	08/08/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-189
190	50345153	Phạm Văn Quân	25/11/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-190
191	50345213	Lê Thị Hoa	14/08/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-191
192	50345223	Trịnh Thị Thơm	06/09/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-192
193	50345238	Hoàng Văn Việt	20/09/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-193
194	50345404	Bùi Văn Thanh	27/10/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-194
195	50345555	Bùi Văn Anh	12/08/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-195
196	50351916	Vũ Quang Khởi	20/04/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-196
197	50351928	Mai Ngọc Anh	29/06/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-197
198	50351940	Hoàng Văn Hải	06/04/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-198
199	50351976	Phan Nguyễn Anh Tuấn	06/07/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-199
200	50352213	Lưu Văn Hải	01/04/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K01SN01-200